TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **68**/2018/HNGĐ.ST
Ngày **30/10/2018**
V/v tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Thùy Trang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Thành Hưng**
2. Ông **Nguyễn Văn Sang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Hạnh Nhung-** Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C: Ông **Nguyễn Ngọc Tân**.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 Tòa án nhân dân quận C mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 44/2018/TLST-HNGĐ ngày 05/3/2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình "*Ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/QĐXXST- HN ngày 12/10/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Kim A;** sinh năm: 1988. Địa chỉ: Số 350 khu vực A, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông **Bùi Thanh T;** Sinh năm: 1984. Địa chỉ: Số 354 khu vực P, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện ngày 05/02/2018 của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim A và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày*:**

Bà và ông Bùi Thanh T tự nguyện chung sống vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận C vào năm 2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 07 năm thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và ông T có quan hệ với người phụ nữ khác khi bà đang mang thai đứa con thứ hai nên đến cuối năm 2017 thì ông T bỏ về nhà mẹ ruột sống cho đến nay. Nay bà nhận thấy quan hệ vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Bùi Thanh Đ (nam) sinh ngày 24/3/2008 và Bùi Đức M (nam) sinh ngày 14/5/2018. Bà yêu cầu tiếp tục nuôi hai con và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con, mức cấp dưỡng **1.000.000đ**/tháng/con.

Hiện tại bà không có việc làm, còn ông T đang làm hồ, thu nhập khoảng **5.000.000đ**/tháng.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ: không có.

Theo bị đơn là ông Bùi Thanh T thừa nhận thời điểm kết hôn, quan hệ hôn nhân và con chung như bà Kim A trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn là ông có nhắn tin qua lại với người phụ nữ khác, vợ ông ghen tuông nên vợ chồng xảy ra cự cãi nhau. Nay ông còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ lại.

Trường hợp, nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Kim A thì ông đồng ý giao hai con cho bà Kim A tiếp tục nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con, mức cấp dưỡng **1.000.000đ**/tháng/con.

Về tài sản chung và nợ: không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của quá trình giải quyết vụ án là có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, còn các thủ tục khác là phù hợp quy định pháp luật tố tụng.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị:

+ Về quan hệ hôn nhân: xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng thực sự trầm trọng, ông T có nguyện vọng mong vợ chồng hàn gắn đoàn tụ lại nhưng cho đến nay không có động thái hay đưa ra giải pháp nào hiệu quả để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ lại. Vì vậy, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Kim A được ly hôn với ông Bùi Thanh T.

+ Về con chung: Có 02 con chung là Bùi Thanh Đ (nam) sinh ngày 24/3/2008 và Bùi Đức M (nam) sinh ngày 14/5/2018. Ông T đồng ý giao hai con cho bà Kim A tiếp tục nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con, mức cấp dưỡng **1.000.000đ**/tháng/con nên đề nghị ghi nhận.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông T theo quy định pháp luật.

+ Về tài sản chung: không có nên không giải quyết.

+ Về nợ: cả hai xác định không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Kim A và ông Bùi Thanh T tự nguyện chung sống vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận C vào năm

2010 nên quan hệ hôn nhân của ông, bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: quan hệ hôn nhân giữa bà Kim A và ông T xuất phát từ tình yêu giữa hai bên; tuy nhiên, trong quá trình chung sống, lẽ ra cả hai vợ chồng phải có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau và cùng nhau phát triển kinh tế gia đình để xây dựng hôn nhân tiến bộ và bền vững nhưng ông bà không làm được điều đó nên dẫn đến hôn nhân đỗ vở là điều tất yếu. Nay bà Kim A yêu cầu ly hôn, còn ông T cho rằng còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, từ khi ly thân cho đến khi Tòa án xét xử, ông T không có động thái hay đưa ra giải pháp nào có hiệu quả để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ lại. Vì vậy, xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Kim A ly hôn với ông T là phù hợp.

[3] *Về con chung:* Có 02 con chung là Bùi Thanh Đ (nam) sinh ngày 24/3/2008 và Bùi Đức M (nam) sinh ngày 14/5/2018. Hiện bà Kim A đang nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc ông Bùi Thanh T giao hai con cho bà Nguyễn Thị Kim A tiếp tục nuôi dưỡng và ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con, mức cấp dưỡng **1.000.000đ** /tháng/con, kể từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Do ông T không trực tiếp nuôi con nên dành quyền thăm nom con chung cho ông T theo quy định pháp luật.

[4] *Về tài sản chung:* không có nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung:* cả hai xác định không có nên không giải quyết. Nếu sau này có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Kim A phải chịu **300.000đ** án phí tranh chấp hôn nhân gia đình; ông T phải chịu **300.000đ** án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

<u>Căn cứ vào</u>:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình.

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim A.

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Cho bà Nguyễn Thị Kim A được ly hôn với ông Bùi Thanh T.

2. **Về con chung**: Có 02 con chung là Bùi Thanh Đ (nam) sinh ngày 24/3/2008 và Bùi Đức M (nam) sinh ngày 14/5/2018.

Ông Bùi Thanh T giao hai con cho bà Nguyễn Thị Kim A tiếp tục nuôi dưỡng.

Ông Bùi Thanh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con, mức cấp dưỡng **1.000.000đ**/tháng/con, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông Bùi Thanh T theo quy định pháp luật.

3. **Về tài sản chung**: không có nên không giải quyết.

4. **Về nợ**: cả hai xác định không có nên không giải quyết. Nếu sau này có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

5. **Về án phí dân sự sơ thẩm**:

5.1 Bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu **300.000đ** án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp **300.000đ** theo biên lai số 006276 ngày 26/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ. Bà Kim A đã nộp xong án phí.

5.2 Ông Bùi Thanh T phải nộp **300.000đ** án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

6. **Về quyền kháng cáo**: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tp. Cần Thơ.
- VKSND Q. C.
- Chi cục THA Q. C.
- Người TGTT.

- Lưu HS – BA.

Nguyễn Thị Thùy Trang